TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆTNAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 319/2024/HNGĐ-ST
Ngày 20 -12 – 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiển

Bà Nguyễn Kim Kết

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Chinh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 20 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 587/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2024 về việc "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 450/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Lê Văn M – sinh năm 1980 (có mặt).

- *Bị đơn*: Bà Phạm Ngọc O – sinh năm 1982 (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Lê Văn M và bà Phạm Ngọc O thống nhất trình bày:

- Về hôn nhân: Ông M và bà O chung sống với nhau từ năm 2002, nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, gần đây xảy ra nhiều mẫu thuẫn do bất đồng quan điểm, dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Hiện nay tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông M và bà O được ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Lê Minh Hiếu, sinh năm 2003, con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện công việc đi làm xa nên bà O yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Phạm Ngọc O có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà O là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Ông M và bà O chung sống từ năm 2002 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, bất đồng đồng quan điểm, hiện nay hôn nhân không còn hạnh phúc nên ông M và bà O đều đồng ý ly hôn.

Xét thấy, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì *"Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng..."*. Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử không xem xét nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn hay anh, chị đồng ý ly hôn với nhau không mà căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa các đương sự là phù hợp.

[3] Về con chung: Con đã trưởng thành, phát triển bình thường về tinh thần và thể chất nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông M và bà O đều xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là phù hợp.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí ông M phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lê Văn M và bà Phạm Ngọc O.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn M phải chịu là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002352 ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (đã nộp xong).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viển kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục thi hành án dân sự H Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Ngọc Trâm